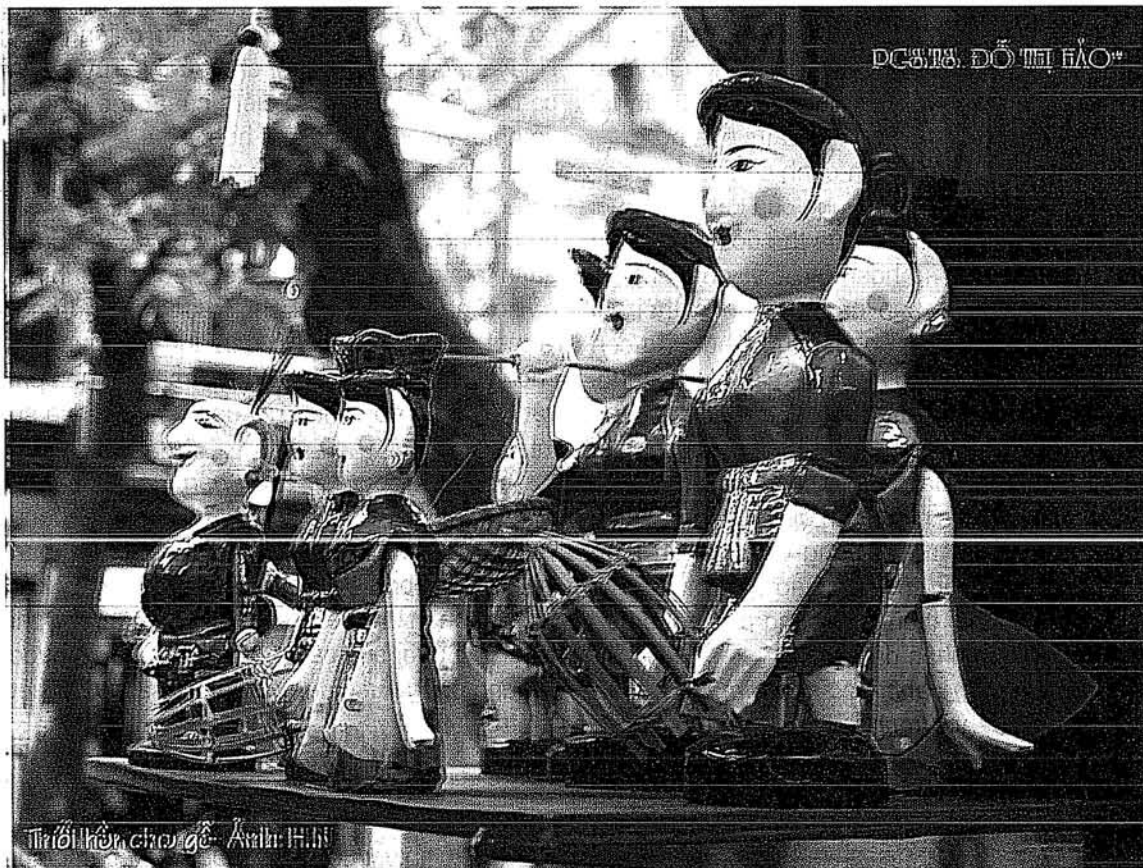


Những nét văn hóa độc đáo Trong các làng nghề thủ công truyền thống



Từ rối khôn khéo - Ảnh: H.H.N

Có con người là có văn hoá, bắt đầu từ việc chế tạo các công cụ đá, tre, gỗ, xương, sừng... và có con người là có thủ công, vì con người vừa là một cá nhân vừa là một sinh vật mang tính xã hội cao nhất (F.Engels). Con người có ý thức, có tư duy, có ngôn ngữ, có mô hình hành động do họ tự do lựa chọn và chịu trách nhiệm. Họ đã biết chế tạo ra những công cụ và cải tiến những công cụ, dụng cụ, máy móc qua suốt tiến trình lịch sử.

Việt Nam là một nước có 80% dân số làm nông nghiệp. Trong những lúc nông nhàn, người nông dân, đồng thời lại là những thợ thủ công. Họ đan lát, dệt vải, làm thuyền, dựng nhà... rồi dần dần có sự phân hoá giữa nông nghiệp và thủ công nghiệp, từ đó xuất hiện lớp thợ thủ công chuyên nghiệp.

Rồi cũng từ các ngành nghề thủ công trong nền văn minh nông nghiệp đã phân hoá thành các làng nông, làng nghề, làng buôn, làng

chài... đã dần dần tạo nên những sắc thái riêng, những nét văn hoá độc đáo của các làng nghề thủ công truyền thống ở nước ta.

Có thể nói bất cứ vùng đất nào trên lãnh thổ Việt Nam từ miền ngược đến miền xuôi, từ đồng bằng ra hải đảo, các xứ Đông, Nam, Đoài, Bắc, từ xứ Lạng xa xôi, địa đầu Tổ quốc, cho đến tận Cà Mau, nơi tận cùng của đất nước, đâu đâu cũng có những nghề thủ công nổi tiếng. Và, ở đâu người thợ thủ công cũng tự hào về quê hương mình là vùng đất của trăm nghề. Chính điều này đã tạo nên kho tàng ca dao nói về tài khéo của nghề mình, của làng mình. Chẳng có gì lạ khi câu ca:

*Hỡi cô thắt lưng bao xanh
Có về làng... với anh thì về
Làng... có lịch có lễ
Có ao tắm mát có nghề...*

đã trở thành câu nói cửa miệng trong các làng nghề và trong dân gian từ bao đời nay.

Trong quá trình hành nghề, người thợ đã sáng tác ra những câu ca dao phản ánh nghề nghiệp của mình:

*Đại Bái khéo đánh nên nổi
Thổ Hà khéo đúc hòn vôi thêm nồng
Nào ai đi chợ Thanh Lâm
Mua anh một tấm áo thâm hạt dền
Hoặc
Liều Tràng khéo khắc bản in
Nhị Khê thợ tiện làm nên cơ đồ
... Làng tôi công nghệ đầu bằng
Là làng Triều Khúc ở gần Thanh Xuân
Quai thao dệt khéo vô ngần
Là nghề của Vũ sư thần dạy cho.*

Sở dĩ người thợ Triều Khúc được "dân biết mặt, nước biết tên" phải chăng vì họ có nghề làm quai thao. Dân gian đã có câu "Nón Chuông (xã Phương Trung, huyện Thanh Oai, Hà Tây), khua Lụa (Thanh Oai, Hà Tây), quai thao làng Đơ (làng Triều Khúc)". Nón quai thao là thứ không thể thiếu trong trang phục phụ nữ thời xưa:

*Ai làm chiếc nón quai thao
Để cho anh thấy cô nào cũng xinh*

Rồi còn biết bao làng nghề khác với những sản phẩm được mọi người ưa chuộng và ca ngợi:

*Lụa này là lụa Cổ Đô
Đích danh lụa cống các cô ưa dùng*

Hay

*Quạt Mãn Xá khi nồng hây hấy
Rập lửa nông đem lại gió thanh...*

Và

*Muốn ăn cơm trắng cá ngon
Thì về làng Vó (1) nặn khuôn đúc đồng...
Trời mưa cho ướt lá trầu
Lấy chồng thợ đúc không giàu cũng vui.*

Đúng là các làng nghề thật đa dạng mỗi nơi một vẻ và đều nổi tiếng khó phân biệt hơn thua. Một số người Pháp sống ở Việt Nam vào những năm cuối thế kỷ 19 đã không tiếc lời ca ngợi khảm làng Ngọc. Họ đã phải trầm trồ thán phục: "Khi ta quan sát khiêu thẩm mỹ và sự chuyên tâm của người thợ khảm trong lúc họ làm việc, ta có cảm tưởng rằng đó là những nghệ sĩ rất văn minh. Họ đã nắm vững mọi kỹ nghệ ở một trình độ cao nhất".

Tuy nhiên, đằng sau niềm vinh quang ấy, tiếc thay, biết bao người thợ thủ công tài năng

là thế, cần cù là thế vẫn phải chịu kiếp sống khổ cực trong các công xưởng của triều đình, hoặc bị vắt kiệt sức lực để làm đẹp cho những lầu vàng điện ngọc của nhà vua nhà chúa. Song, họ vẫn nổi đời vì nghề.

*Giã nay rồi lại giã mai
Đôi chân tê mỏi dọ đi vì mày...
Seo đêm rồi lại seo ngày
Đôi tay nhức buốt vì mày giấy di...(2)*

Thật chua xót khi các chàng trai thợ được nghe những câu ca dao:

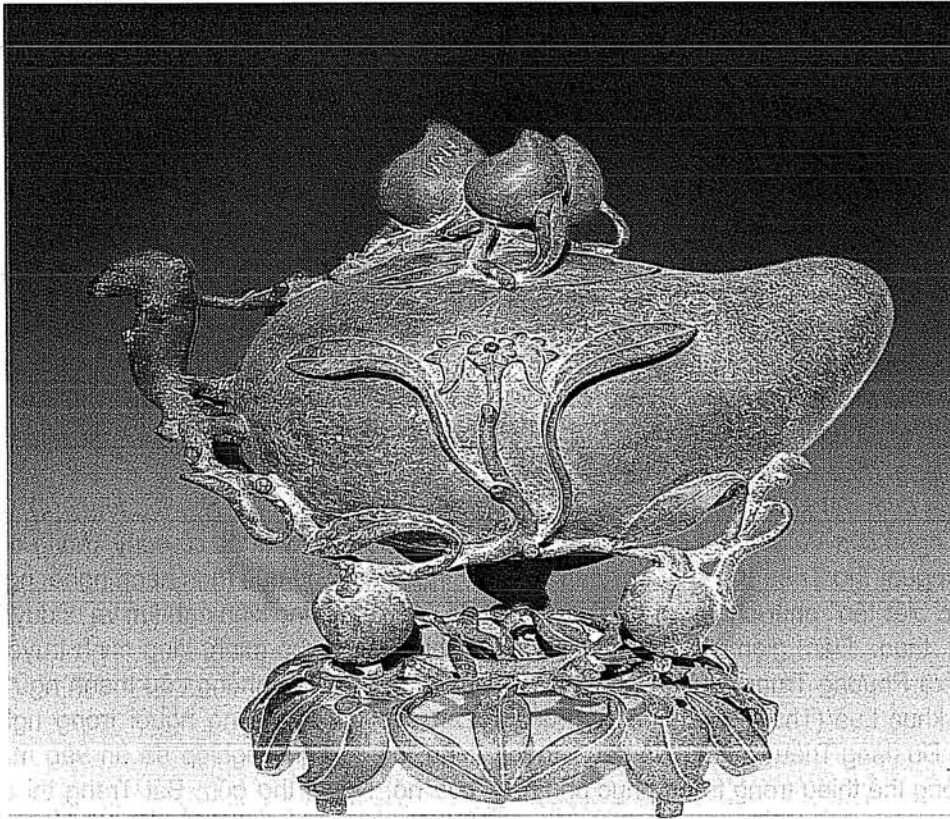
*Thừa con chẳng gả cho anh hàng tờ (3)
Đến ba mươi tết vẫn phát phơ ngoài đường.*

Và

*Hoài người lấy chú thợ khay (4)
Cò cưa ký quéc cò ngày không còm...*

Lại nói trong quá trình hành nghề, người thợ đã đúc kết những kinh nghiệm và bí quyết nghề nghiệp của nghề mình, làng mình truyền lại từ bao thế hệ bằng những câu thành ngữ, để chỉ cần đọc lên là những người trong nghề đều hiểu, bởi lẽ nghề nghiệp đã ăn vào máu thịt của họ. Người thợ gốm Bát Tràng thì có câu: "Nhất xương nhì da thứ ba dạc lò". Xương chính là cốt đất dùng để làm đồ gốm, da là lớp men tráng ngoài để sản phẩm gốm vừa đẹp lại vừa bền. Còn dạc lò là nói đến vai trò của độ lửa, khâu cuối cùng giữ vị trí quyết định đối với thành phẩm. Lửa phải đủ phải đều thì sản phẩm mới chín đúng độ và đẹp bóng. Nói về kinh nghiệm chế men, người thợ có câu "nhỏ gio to đàn" (bột đất phải to hơn bột gio thì men mới dễ chảy) hoặc về khuyết tật của sản phẩm thì có các tình trạng như "thắt vách rách lợi" (thân sản phẩm bị thắt còn trên miệng thì nứt), "lành canh lơi đuối" (sản phẩm chỗ dày chỗ mỏng, bên cao bên thấp, bề mặt không phẳng)...

Đối với nghề đúc đồng, người thợ cũng rút được những kinh nghiệm nghề thật đơn giản và dễ hiểu, nhưng là kết quả của cả một quá trình lao động từ đời nọ qua đời kia: "Nhìn kẻo, trông khói, không nói, nghe thanh". Kẻo là dụng cụ khuấy đồng, nước đồng nóng chảy đến độ, không bám vào kẻo là được. Khi nấu đồng nhìn khói bốc lên màu xanh đen, màu đỏ cờ hay màu trắng... Người thợ căn cứ vào khói để điều chỉnh thành phần hợp kim cho chính xác. Không nói nghe thanh là cách chọn đồng. Như ta đã biết, có rất nhiều loại đồng khác nhau, người thợ với đôi tai tinh tế chỉ cần nghe tiếng



Chúc thọ đầu xuân

đồng rơi là phân biệt được. Ví dụ rơi kêu cạch mà vỡ là đồng non, rơi kêu keng mà vỡ là đồng già...

Để làm đất nặn khuôn thì người thợ có câu:

Đất vừa là xé dọc tơ

Đất non dễ nứt chớ đưa vào lò

Nói đến nét văn hoá trong các làng nghề thủ công truyền thống xưa kia, ta không thể bỏ qua những phong tục tập quán rất độc đáo, rất riêng của các làng nghề. Trừ những làng thuần nông, ở trong các làng nghề bên cạnh tín ngưỡng thờ thành hoàng làng thường người thợ còn thờ các vị tổ nghề. Đây là truyền thống "uống nước nhớ nguồn" "ăn quả nhớ kẻ trồng cây" của dân tộc Việt Nam nói chung và của những người thợ thủ công nói riêng. Bên cạnh kho tàng truyền thuyết, huyền thoại tôn vinh các tổ nghề, ở từng làng nghề, từng nghề lại có "lệ tục" thật đẹp và đa dạng. Làng gốm Hương Canh thuộc xã Tam Canh, tỉnh Vĩnh Phúc, hàng năm dân làng tổ chức giỗ tổ vào ngày mùng 6 tháng giêng, tức ngày mất của tổ nghề. Hôm đó người thợ cao tuổi nhất làng được ra đền đốt hương rồi dẫn đầu đám rước kiệu tổ đi quanh làng. Đám rước bao giờ cũng tổ chức ban đêm, khiêng kiệu là 8 chàng trai và 8 cô gái khoẻ khoắn chưa vợ

chưa chồng. Kiệu có 3 chiếc lọng, chiếc lớn ở giữa che đầu tượng cụ tổ nghề, hai lọng nhỏ che hai vai. Đi sau đám kiệu là con dân làng gồm, ai không phải là người làng gồm không được đi theo đám rước. Trên đường qua xóm ngõ, các gia đình đều dâng đuốc để soi sáng mặt tổ nghề. Nếu thấy mặt cụ tổ có ánh đỏ rực rỡ thì năm đó làng nghề làm ăn phát đạt. Ngày khai nghiệp tổ chức vào 16 tháng giêng âm lịch cũng rất trọng đại. Dân làng mổ lợn tế, để sáng hôm sau các lò gốm bắt đầu đổ lửa. Trước khi nung, trưởng các phường phải biện một ván xôi, một con gà để làm lễ tổ ngay trên nóc lò. Mọi việc đều được làm vào ban đêm.

Dân làng An Cốc huyện Phú Xuyên tỉnh Hà Tây giỗ tổ nghề giấy vào mùng 9, mùng 10 tháng giêng âm lịch. Sáng sớm mùng 9, dân làng đặt một chiếc nồi đồng thật to trước đền thờ tổ, mọi người đổ mật vào, rồi chọn hai chàng trai chưa vợ, khoẻ mạnh cầm vò khuấy. Khi mật sủi sùng sục thì cho sôi và đậu rang chín vào làm chè kho, tượng trưng cho việc đánh bột giấy ở tàu xeo. Ngoài ra trong buổi lễ, dân làng còn cho xôi nếp vào cối, cũng cử hai thanh niên già để diễn đạt lại động tác giã dó của nghề tổ.

Đối với làng gò đồng Đại Bái, dân làng hết sức trân trọng và thành kính với ngày 29-9 âm lịch, ngày mất của vị tiền tiên sư Nguyễn Công Truyền. Làng có lệ đặc biệt, tất cả dân chúng kể cả những người làm ăn ở xa cứ đến tuổi 49, hàng ngày đều phải ra thắp hương ở đền thờ tổ. Lần lượt năm nay số người đồng niên đến lễ, năm sau là lớp kế tiếp tuổi ấy. Người ở xa không về được có thể gửi hương về nhờ bạn cùng lứa tuổi mình thắp hộ. Ngày giỗ tổ, người các nơi xa về đều mang những vật phẩm gò đồng do mình làm đặt lên hương án thờ tổ.

Hầu hết các làng nghề, ngày giỗ tổ cũng đồng thời là lúc diễn ra lễ "trình nghề". Người thợ mang những sản phẩm tinh túy nhất của mình trong năm trình với đức tổ và để đồng dân chúng kiến. Ai được giải thưởng (dù chỉ là phong trâu, bánh pháo,...) là một vinh dự lớn lao, vì đó là "một miếng giữa làng...". Hơn thế nữa, trong tâm thức, người ta tin đó là một sự may mắn, là lộc tổ ban cho để năm sau làm ăn thịnh vượng hơn, sung túc hơn.

Thực ra nghề nghiệp không chỉ thể hiện vào dịp giỗ tổ, mà tình cảm đối với tổ nghề còn ăn sâu vào trong sinh hoạt, trong tập tục của mỗi làng, trở thành một nét văn hoá của cộng đồng xóm làng. Trai làng Đại Bái lấy vợ được của hồi môn là một cái búa và một chiếc đe. Ngày rước dâu đi sau cụ già cầm hương là một ông già cầm búa, một bà già cầm đe cùng một thiếu nữ vác đôi chiếu hoa mới. Lễ nộp treo, nhà trai phải tự làm lấy một đôi mâm đồng, chứ không được đi mua của người khác. Ở làng đức đồng Quảng Bồ (tên Nôm là Vó), con trai làng khác muốn lấy vợ làng này phải nộp treo một đôi mâm có đục lỗ ở giữa, sỗ dĩ phải làm như vậy để phân biệt đây là tài sản chung của làng. Dân làng dùng trong những dịp hội hè, tế lễ không ai có thể chiếm dụng được. Ngoài những lúc vào đám người ta dùng dây khâu mâm thành từng chuỗi để bảo quản cho dễ. Người nào không nộp treo cho làng thì không dám trở về làng nữa.

Về tang ma ở các làng nghề cũng có nhiều tục lạ. Ở làng Vó đức đồng, mỗi khi có cụ cao tuổi qua đời, lệnh trưởng giáp đó có nhiệm vụ đi báo cho những người 49 tuổi trở xuống đến để lo công việc giáp cử. Những người dưới 30 tuổi thì kiêng quan tài. Làng quy định nghi thức đưa đám như sau: đám các cụ ông từ 50 tuổi trở lên khi đưa đám thì gõ sênh hoặc lệnh, còn

đám các cụ bà thì gõ công. Phải chăng vì thế dân gian mới có câu "Lệnh ông không bằng công bà". Đám ma nào cũng có hai lá cờ trắng được vác đi trước, đàn ông viết chữ "trung tín", đàn bà viết chữ "trinh thận". Người nào trong cuộc đời có những lỗi lầm hay vết xấu thì hai chữ đó bị viết thiếu nét hoặc viết mờ đi (làng gồm Bát Tràng thì để trắng không viết chữ). Phải nói đây là một phong tục đẹp, hàm chứa tính giáo dục cao. Xưa những nhà khá giả làm đám, họ dựng rạp ở ngã ba đường, dựng mía làm cột làm giàn, lợp bánh đa lên trên. Viên lý trưởng hoặc người có vai vế trong làng được phát một bộ áo xô, đứng trên chiếc nổi đồng 6 để đọc diếu văn. Công việc xong xuôi người đó được lấy nổi mang về, còn bánh đa và mía chia cho mọi người cùng ăn.

Người thợ gồm Bát Tràng còn có tập tục thể hiện tính nghề nghiệp rõ nét và cảm động. Con dao mây là vật tùy thân gắn gũi với người đàn ông làm gốm. Khi sống họ luôn mang bên mình, khi chết thì người thợ nào cũng dặn dò con cháu hãy chôn theo mình con dao mây thân thiết ấy.

Tìm hiểu những nét văn hoá độc đáo trong các làng nghề chính là góp phần làm tăng sức mạnh truyền thống, sức mạnh cội nguồn, là gieo vào tâm hồn mỗi người Việt Nam tình cảm yêu quý, trân trọng văn hoá tâm linh, di sản văn hoá phi vật thể mang đậm bản sắc dân tộc. Điều này có ý nghĩa thật lớn lao trong môi trường văn hoá truyền thống đầy biến động hiện nay.

Chắc chắn các sản phẩm thủ công truyền thống, nhất là hàng mỹ nghệ, sẽ được nâng niu trân trọng và sẽ gắn bó với cuộc sống con người ở trình độ văn hoá cao hơn, ở đời sống vật chất sung túc hơn.

Đ.T.H

Chú thích:

- 1) Vó: tên chữ là làng Quảng Bồ thuộc huyện Gia Bình tỉnh Bắc Ninh.
- 2) Ca dao về nghề làm giấy dó.
- 3) Hàng tờ tức thợ làm tranh Đông Hồ.
- 4) Ca dao làng Khảm trai Chuyên Mỹ, huyện Phú Xuyên, tỉnh Hà Tây.